

châu trị, giết người Hoa, Vũ Hôn không nằm trong số ấy.

Mấy năm sau thân mẫu của ông lâm bệnh, cầu thần trị thuốc không khỏi, đã qua đời. Ông cùng dân làng đưa cụ về an táng tại quê cha đất tổ của cụ là làng Kiệt Lạc nay thuộc xã Văn An, huyện Chí Linh - nơi danh đức có dãy núi Phụng Hoàng mà sau này Chu Văn An về ở ẩn, mở trường dạy học ở đây.

Từ ngày gia đình Vũ Hôn về sinh sống, Mộ Trạch mỗi ngày một biến đổi, dân làng thêm đông vui, học hành phát triển thành nơi có truyền thống hiếu học, tuân theo lễ nghĩa, ai cũng kính trọng ông như cha mẹ. Nhân dân trong làng ví ông như mặt trăng mặt trời, suy tôn ông là Hương thủy tổ và xin với ông sau này sẽ được dùng ngôi nhà của ông đang ở làm nơi thờ cúng. Ông đồng ý rồi đưa cho dân làng một số vàng bạc để mua ruộng ao và chi phí vào việc tế lễ hàng năm, dân làng không phải đóng góp.

Vào một ngày của năm Quý Dậu, đang lúc ngồi ở trường dạy học, tự nhiên thấy trong người không yên, không phải bệnh nặng mà mất, thọ 50 tuổi. Ông

được an táng tại một gò cao trên cánh đồng phía bắc làng Mộ Trạch. Đến khi bà Vũ Hôn phu nhân mất, dân làng rước linh cữu an táng kề bên mộ ông. Rất tiếc phả làng không thấy nói huý tự phu nhân là gì và sinh hạ được bao nhiêu người con, nối tiếp sự nghiệp Vũ Hôn ra sao ?

II

Lại có truyền thuyết rằng:

Làng Mộ Trạch ở gần đường cái, chủ quán là một quả phụ trạc ngoài tuổi 40 cùng với đứa con trai 15 tuổi. Người trong vùng không ai rõ lai lịch của họ, chỉ quen gọi là quán nước có chú bé Vũ Hôn. Sinh kế thường không đủ nên Vũ Hôn phải đi câu cá mò cua tôm ốc bán lấy tiền phụ thêm giúp mẹ.

Một trưa hè nóng nực, một người Tàu lữ du qua đó ghé vào quán hàng nghỉ chân rồi lân la hỏi dò những người khách cùng ngồi trong quán về thanh danh đạo đức ông Vũ Hôn ở vùng này. Mọi người ngơ ngác nhìn nhau và trả lời:

- Nơi này không có ai là ông Vũ Hôn cả, chỉ có thằng nhỏ con bà chủ quán này tên là Vũ Hôn.

Người khách ấy sau này là thầy dạy Vũ Hôn văn võ. Đến năm Vũ Hôn 19 tuổi, trở về quê cũ cùng thầy. Thầy bỏ tiền ra mua một ngôi nhà gần chợ để buôn bán, dạy học và hành nghề đông y. Vì ngụ cư lâu ngày thành ra quen thuộc với nhiều người. Một hôm, ông nhờ dân làng làm mối cho một cô con gái nhà nghèo nết na có nhan sắc. Ý muốn đó đã đạt, thầy cho làm cỗ linh đình mời những người thân quen đến dự chứng kiến. Tiệc gần tàn vào khoảng quá Ngọ, ông đứng dậy tỏ vẻ hoảng hốt, cảm tạ mọi người rồi nói:

- Vì có việc gấp tại quê nhà, lẽ ra phải về từ ba ngày trước nhưng quên lãng, sáng nay ngồi nhớ ra mà vẫn phải nán lại lo việc cưới cho xong ngày đã chọn, xin mọi người giúp đỡ trong thời gian vắng mặt.

Rồi chàng rể nói cùng cô dâu những lời an ủi vì hoàn cảnh phải tạm biệt ít ngày với ước vọng sẽ trở về sớm khi việc thu xếp xong. Sau đó ông giao

chìa khoá và tất cả cơ nghiệp cho cô dâu và học trò Vũ Hôn với những lời dặn dò cần thiết khi từ biệt.

Ngày qua tháng lại, thắm thoát đã ba năm mong chờ chẳng thấy thầy sang mà cũng không có tin tức gì... Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén. Hai người cùng lứa tuổi lại sống bên nhau bao canh khuya gọi cảm nên đã dần quên những lời dặn dò năm cũ. Họ đã trao cho nhau tình yêu nồng thắm rồi cô dâu mang thai, sau đó sinh đôi được hai đứa con trai.

Hai con được hơn một tháng thì đột nhiên thấy thầy trở về. Vũ Hôn thì vắng nhà, chỉ có cô dâu đang bế con không khỏi nhón nhác sợ sệt, chỉ kịp chào một tiếng rồi bỏ trốn. Hàng xóm biết vậy nên tất cả sang thăm hỏi và tìm lời an ủi giúp cách giải quyết. Một lúc lâu, họ dẫn hai vợ chồng Vũ Hôn về tạ tội với thầy. Thấy vậy ông nói:

- Việc đã lỡ rồi... Thôi thầy cho cả cơ nghiệp này vì không thể tiếp tục ở lại đây được nữa. Nhưng cần bắt một đứa con của hai người để nuôi dưỡng cho vui cảnh già vì tôi không có vợ con gì cả.

Ý kiến đó được mọi người thấy phải, vừa thấu tình vừa đạt lý. Vợ chồng Vũ Hôn cũng phải chấp nhận. Nói đoạn, ông đến cân nhắc bé hai đứa bé chọn đứa nặng cân đưa về Bắc quốc, đứa nhẹ cân để lại đất Việt. Về sau đứa bé con trai nhẹ cân ấy như thế nào thì truyền thuyết cũng không thấy tiếp sau nữa.

III

Truyền thuyết dân gian chỉ nói có vậy để cho người truyền đời nối tiếp. Nếu cứ theo như phả làn thì từ năm 853 (là năm Vũ Hôn mất) đến năm 1224 đầu triều Trần thì đã qua 373 năm dựng nước và giữ nước, có biết bao công việc trọng đại liên quan đến đời sống con người. 373 năm ấy tìm trên văn bia phả và sử sách không thấy nói gì có liên quan đến Vũ Hôn và làng Mộ Trạch, nên có nhà sử học gọi thời kỳ này là thời kỳ thất truyền.

*(Bài viết có sử dụng tài liệu của ông
VŨ THUYẾT trong buổi họp mặt dòng họ VŨ VỞ
tại Hà Nội 28-5-1995)*

TRUYỀN THUYẾT VỀ VŨ CỐ TRÊN NÚI MÃ YÊN

Nhà Minh từ Trung Quốc đưa hơn 15 vạn viện binh chia làm hai đạo ô ạt kéo vào nước ta nhằm cứu thành Đông Quan và chiếm lại những vùng ta đã giải phóng.

Đạo thứ nhất do Liễu Thăng, Thôi Tụ, Lý Khánh, Hoàng Phúc và tên thổ quan Nguyễn Đức Huân đem hơn 10 vạn quân và hai vạn ngựa đánh vào cửa Pha Luỹ (Nam Quan).

Đạo thứ hai do Mộc Thạnh, Tư Hanh, Đàm Trung đem năm vạn quân và một vạn ngựa từ Vân Nam đánh vào cửa Lê Hoa (Hà Giang).

Bộ chỉ huy nghĩa quân quyết định tập trung lực lượng tiêu diệt viện binh địch, trước hết là viện binh Liễu Thăng, không cho chúng tiến sâu vào nội

địa. Muốn tiêu diệt đội quân này trước hết phải chế được đầu Liễu Thăng.

Tướng Vũ Cốt lúc ấy, người làm tham mưu trong Bộ chỉ huy dưới quyền Nguyễn Trãi, Lê Sát, Lê Nhân Chú... Vũ Cốt đã từng học thầy Hạc Lai ở Chàng Thanh Bắc Quốc tám năm và được đi theo Lê Lợi, Nguyễn Trãi từ những ngày đầu cuộc khởi nghĩa. Ông hiểu tâm lý tướng giặc, hiểu quyết tâm chiến lược của Lê Lợi, Nguyễn Trãi, đã hiểu đâu là điểm huyết của một trận đánh, nhất là trận đánh có tính chất quyết định toàn bộ sự thành bại của cuộc kháng chiến như trận đánh này. Trước Bộ chỉ huy, Vũ Cốt xin nhận trách nhiệm trực tiếp cầm quân một mũi nhọn để chém bằng được đầu Liễu Thăng. Ông trình bày phương án chiến thuật được Nguyễn Trãi và các tướng thông qua. Nguyễn Trãi trình lên Lê Lợi, Lê Lợi chuẩn y phương án Vũ Cốt. Rồi giao Vũ Cốt đã cách thực hiện phương án này.

Rồi Lê Lợi sai Lê Sát, Lê Nhân Chú đưa một vạn quân tinh nhuệ cùng với năm thớt voi chiến một mai phục tại ải Chi Lăng. Trước đó Lê Lợi cũng được giao một lực lượng đến giữ cửa Pha Luỹ.

Liễu Thăng dẫn quân vượt qua biên giới. Thấy giặc, quân ta định xông ra đánh, nhưng Lê Lợi không cho, bắt lui sâu vào ải Lưu (là nơi đi từ Khâu Ôn đến Chi Lăng). Giặc thuận đà tiến quân uy hiếp, giương oai. Lúc này Lê Sát, Lê Nhân Chú ra mặt lệnh đưa quân của Lê Lợi ra đánh như thật rồi giả vờ thua chạy nhử giặc vào trận địa phục kích của ta.

Một hôm Liễu Thăng đốc xuất toàn bộ quân quyền đuổi theo hướng chạy của quân Lê Lợi. Vừa đến chỗ mai phục, lập tức bị quân của Lê Sát, Lê Nhân Chú tung ra bất thình từ các phía đồng loạt tiến đánh quyết liệt. Đối phương bị bất ngờ không kịp trở tay chống đỡ. Đứa bị cụt đầu, đứa thì tháo chạy, khiến đội hình rối loạn tung toé, giặc sa lầy ngắc ngư trên khắp cánh đồng Chi Lăng.

Liễu Thăng quản trí, nhưng sau đó y phát hiện ra một hướng thoát không có quân ta nổi dậy, lại có ngọn núi Mã Yên⁽¹⁾. Nơi ấy là một lợi thế đang được bỏ ngỏ.

(1). Núi Mã Yên: Tên nôm là núi Yên Ngựa một hòn núi cao độ 40m, so với mặt đất, chu vi chừng 300m, nằm ở phía nam cánh đồng Chi Lăng, quanh chân núi là cánh đồng lấy lợi muốn qua phải bắc cầu mới đi được.

Binh thư vẫn dậy, trong chiến tranh ai chiếm được đỉnh cao thì giành chiến thắng. Thấy vậy Liễu Thăng liền ra lệnh đốc thúc các quân nhanh chóng thực hiện ý đồ chiến thuật quyết không bỏ lỡ thời cơ.

Liễu Thăng một mình vượt lên trước đỉnh cao quan sát thế trận để phản công. Trước đó, Vũ Cốt đã cho quân khoét núi đào hào rồi nằm phục vị dưới lớp ngụy trang tinh xảo, xa gần đều không tài nào phát hiện ra dấu vết. Liễu Thăng vừa bước chân tới đỉnh cao, thì Vũ Cốt đội cỏ nhanh như tia chớp vung kiếm phát ngang, đầu Liễu Thăng đứt ngọt tưởng như không hề có tiếng động. Cái sọ đầu lêu rụng xuống chồm đôi mà lăn xuống dốc... Cổ máu toá loa vọt cầu vồng lênh láng một chiến hào lợi hại.

Các quân của Vũ Cốt đồng thời cũng độn thổ bung lên, cả quân của Lê Sát, Lê Nhân Chú, Lê Lựu cùng xốc tới đâm chém giặc Minh đang lớp ngóp bò lên sườn đồi Mã Yên và dưới cánh đồng Chi Lăng, chúng chết đến hàng mấy vạn tên.

Những tên sống sót chạy xuống Xương Giang. Trên đường đi, chúng lại bị phục kích ở Cấn Trạm

và Phố Cát (Bắc Giang), bị tiêu diệt đến ba vạn tên. Mấy vạn còn lại cố tới thành Xương Giang thì thành đã bị quân ta hạ rồi. Chúng phải cụm lại giữa đồng chơ vơ không đường tiến thoái.

Cùng lúc đó Lê Lợi sai tướng đem sắc thư phù ấn của Liễu Thăng vào tận sào huyệt của Mộc Thạnh ở Lê Hoa. Mộc Thạnh trông thấy, biết đạo quân Liễu Thăng đã bị bại, Liễu Thăng đã bị chặt đầu. Chúng vô cùng hoảng sợ không đánh mà tự tan. Mộc Thạnh bạt vía, trong phút chốc lên ngựa tháo chạy về Trung Quốc. Thừa thắng, quân ta truy kích, diệt trên một vạn tên.

Tin thắng trận Lê Hoa về tới Tổng thành dinh, cổ vũ nghĩa quân, uy hiếp tinh thần địch. Thời cơ đã đến, lệnh tổng công kích Xương Giang phát ra, quân ta xông thẳng vào giáp chiến diệt gần năm vạn tên, bắt sống toàn bộ số còn lại.

Thế là sau khi Vũ Cốt chém được Thái tử Đại tướng Liễu Thăng ở núi Mã Yên thì tất cả thế lực của giặc Minh đều bị nhanh chóng thất thủ, thành Đông Quan hoàn toàn cô lập rồi bị bức hàng.

Trận đánh Mã Yên mà Vũ Cố chém được Liễu Thăng là đòn điểm huyết quyết định số phận tan rã của cả quá trình xâm lược rất công phu của triều đại nhà Minh. Mưu kế ấy chả khác gì mẹo dùng *hom đơm cá dữ*.

Mô tả trận đánh này, Nguyễn Trãi viết:

*Ngày mười tám, trận Chi Lăng Liễu Thăng thất thủ
Ngày hai mươi, trận Mã Yên Liễu Thăng cụt đầu
...Đánh một trận, sạch không kình ngạc
Đánh hai trận, tan tác chim muông⁽¹⁾*

Mãi về sau này vẫn có chuyện nói rằng:

Đến khi ta muốn lập lại giao bang hoà hảo thì phương Bắc lại đưa ta trò ăn vạ việc chém Thái tử Đại tướng Liễu Thăng. Ta bảo với chúng là do có sự nhầm lẫn vì trong chiến cuộc hỗn mang không thể phân biệt được đâu là Liễu Thăng để tha chết chém. Bấy giờ họ lại đòi hàng năm Đại Việt phải triều cống

(1). Rút từ "Đại cáo bình ngô" in trong Đại Việt sử ký toàn thư.

đền bù mạng tên tướng tài làm giặc này. Tức là mỗi năm ta phải nộp một pho tượng bằng vàng nòi bằng nhau với kích cỡ Liễu Thăng. Vua nước ta đành chấp nhận vì nhiều nghĩa lớn. Thế mà mãi cuối thế kỷ mười tám ta mới giải được cái mã tục oái oăm của vương triều Bắc quốc.

Chuyện từ một Trạng Quỳnh, nhân lý do đến châu vua Bắc mượn vì phải đi ăn giỗ cụ tổ 10 đời. Vua ấy rất bực mình liền khăng định: *Đã qua 10 đời thì không ai làm giỗ bao giờ*. Quỳnh lấy mẹo vãn để lừa vua kia, đến khi chắc ăn rồi thì lập luận: Vậy mà Liễu Thăng bị chém đầu đã từ hơn 300 năm rồi, tại sao người Bắc vẫn cứ bắt người Nam đền vàng hình nhân thế mạng? Vua Bắc hự ý mới đành chịu huỷ bỏ lệ xưa.

Chuyện ông Vũ Cố chém Thái tử Đại tướng Liễu Thăng nhà Minh vẫn còn trong Ngọc phả thời hậu Lê. Ý ấy còn được truyền tụng trong dân gian, nhất là ở miền quê hương Đại vương Vũ Cố, tức là xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày nay.

Ngày nay Thanh Thủy đang tôn vinh giá trị ba miếu bốn đình mà từ xưa ba xã Vũ Xá, Đặng Xá và Ô Cách tôn lập thờ phụng Vũ Cố là Thành hoàng. Đó là đền Thượng trên Núi Hạc, đền Trung ở lưng núi và đền Hạ dưới núi. Còn bốn đình thì nằm ở bốn thôn Trung Thứ, Lương, Ao Cá, Ô Cách. Đây là quần thể di tích lịch sử văn hoá trên quy mô toàn xã, đã có hơn 20 đạo sắc phong mỹ tự từ triều Lê đến triều Nguyễn, có trên 50 đôi câu đối cổ ghi công đức hộ quốc yên dân và tài văn võ Vũ Cố. Trong đó có đôi câu đối gắn đây nhất của Hoàng giáp Bạch Đông Ôn quê ở Lạc Tràng - Phủ Lý lưu tặng vào năm Tự Đức thứ 10 (1858) như sau:

*Trung thân quốc hiếu tử gia, thanh Vũ Cố lưu
truyền Nam sử*

*Mã Yên sơn Chi Lăng xứ, trảm Liễu Thăng tán
loạn Bắc quân*

Dịch nghĩa:

*Tôi trung của nước non hiếu của nhà, tiếng Vũ
Cố lưu truyền sử Việt*

*Núi Mã Yên đất Chi Lăng, chém Liễu Thăng
tan tác quân Minh.*

ÔNG NGHỀ ĐÌNH DIÊM LA

Có một cậu bé không hiểu từ đâu đã đi vào làng này, chỉ nói là đến đây xin được làm thuê kiếm sống.

Người này thư sinh dáng dống cao, yếu tướng... Đã nhìn đôi mắt sâu, mi dài, đen láy, khi ấy chả ai tin cậu sẽ làm thuê để nên cơm nên cháo gì.

Tên Lai họ Đình... Một ông già độc thân nghèo, biết chữ Nho tên là Đôn đón Lai về cho nương đậu nhà mình, cho cậu có điểm tựa bán sức kiếm kế sinh nhai.

Làng Đùng ven sông Đáy, bên kia là rừng núi. Nghề nuôi trâu bò phát triển, đối với những nhà bạc trung trở lên là có điều kiện phát triển một vốn bốn lời. Ngày cho trâu bò bơi qua sông vào từng gặm cỏ, tối tối lại cho bơi về nhốt vào trong chuồng trong cũi qua đêm. Nhưng phân rác trong chuồng chưa thuê được ai quét dọn gom hót sạch... Lai đến xin

các nhà dọn hót các chuông của cả làng Đưng. Mỗi sáng xong việc lại xin theo đi phụ nề. Như thế mà cũng tạm tạm đủ sống, tạm tạm dành tiền mua đèn mua sách mài dùi kinh sử đêm đêm. Đêm đêm thì chỉ có ông Đôn mới biết. Tuổi già ít ngủ, biết đây, thương đây chỉ thăm yêu mến người hay chữ... Ông vẫn lặng im hy vọng... còn dân làng chỉ biết Lai làm nghề hót dọn phân chuông. Nhưng chàng trai nhỏ tuổi ấy thật dễ thương dễ mến. Và thế là Lai trở thành con nuôi của ông Đôn từ lúc nào không biết, trở thành dân làng Đưng lúc nào không biết.

Dăm năm sau, một lần Lai thưa chuyện với cha rằng sẽ phải xa cha, xa làng để đi đây đi đó một thời gian. Dân làng không biết Lai đi đâu, bao giờ trở lại. Ông Đôn biết, ngấm ngấm chờ đợi...

Bỗng chiều kia có tin loan truyền:

- Đinh Diêm Lai, Đưng thôn có quan tân khoa đã đỗ ông Nghè. Ngài đang trở về vinh quy bái tổ. Nay xin kính báo... loa loa loa.

Ông Đôn vui sướng ngỡ như tuột hôn tuột vía trong giấc chiêm bao. Sau nữa là sự vui sướng bất ngờ của làng xóm... Thật mà !

Ấy vậy như ông Lý làng đây thì chột dạ bất ngờ, hăm hè hăm hực cũng bất ngờ theo.

- Nó là kẻ ngụ cư cha càng chú kiết có ai là Tổ nó đâu mà nó đòi vinh quy. Đỗ gì thì đỗ, không phải dân làng này chính tầy thì đưng hồng rước đón. Lệ làng này xưa nay vẫn thế...

Các chức sắc chỉ biết lặng câm lánh mặt, lạnh lùng. Quan tân khoa về với làng với cha nuôi chứ đâu có màng rước đón mà chi.

Đêm ấy cuối năm, mưa bụi gió may cào, trần trọc miên man không muốn ngủ, ông Đôn nằm xuống, ngồi dậy, đứng lên, đi lại, chỉ có Lai là vẫn nằm im như không biết. Thế mà chàng biết, biết nhiều lắm, biết nỗi lòng cha không ngủ được vì lẽ gì. Gà gáy canh tư, ông Đôn thở dài, sang tai con buồn bã:

- Ngủ đi, ngủ đi con trai của ta. Từ mai hãy cứ vui nhà vui bạn, vui cùng xóm giềng rồi hãy trở lên kinh đô, ở đây bản quan không ưa kẻ sĩ, không ai người ta muốn dân đen học tài đỗ cao vượt trên đầu

quan làng quan tổng. Các quan yếu chữ nhưng mà khoẻ nhiều cái khác, kể cả cái tài học giả chức thật. Thời buổi ngày nay, lừa đảo, trộm cắp không bắt được quả tang thì vẫn cứ vô tư, vẫn cứ đàng hoàng được thăng tiến tha hồ vinh hiển. Bụng bít sự thật mà không ai làm gì được đó cũng là một cái tài đó con... con đừng buồn con nhé.

Lai thâm thảo nhỏ nhẹ thưa rằng:

- Con có buồn đâu, chỉ thương cha nên con cần phải làm một điều gì đáng kể, cho dân ta giỏi đẹp ngày sau. Cha con mình cùng đi ngủ nào cha...

Chuyện kể rằng:

Ông Đôn tin lời con, đặt lưng chìm trong giấc ngủ cuối đêm đang tàn... Bừng sáng, vẫn mưa bụi gió may cào cật cửa thất thanh:

- Ối làng nước ôi ! Tân quan Nghè trẫm mình dưới sông rồi... Bớ ai cứu vớ...ơ ới...

Ông Đôn cùng bao người chạy bỏ ra sông. Mụn rồi, không thấy tăm hơi nào sủi bọt chỉ thấy bờ sông chiếc sọt tre đan cũ kỹ có găm một tờ giấy ghi rõ một lời nguyên:

"Cứ thế này, ai mà học đỗ như tôi thì cũng phải chết như tôi ?"

Có cái chết lại là mầm mống cho sự bùng thức của mù mịt tăm tối. Thế đấy, xác người quân tử chìm lảng, bao nhiêu thợ lặn thuyền chài thiện nghệ dăng câu mò lặn tìm tòi khắp dọc dải sông mà không thấy. Sáng hôm sau nước sông hướng dòng chảy từ phía trên về, đang cong thành thẳng, dòng thẳng cuộn chảy xiết vào chỗ chết ông Nghè. Phù sa đỏ au ập duyên nổi lên xác ông Nghè, tươi nguyên, hồng đẹp.

Người ta bảo từ bấy, nơi ấy vĩnh viễn là cái "vỡ nước" xoáy tròn cuộn ngâm cuộn ra phù sa kết nên bãi bồi bên kia sông Đáy.

Và cũng từ bấy cứ hàng năm, đúng vào ngày 23 tháng Chạp trời lại mưa bụi gió cào để bùng thức lương tri. Dân làng đã lập miếu thờ phụng ông từ bấy đến nay, gọi là "Miếu Ông Nghè". Trong miếu có nhiều sắc phong mỹ tự, tường hồi phía bắc có bức phù điêu tạc tượng ông Nghè trẻ gánh đôi quang sọt cao đầy...

Trải qua các triều đại và một thời cách tân, do dòng chảy sông xa xoáy vỡ cho bên lở bên bồi... trong một lần bão lũ miếu sập, nước cuốn trôi tiệt vô âm tín. Bão lũ cuốn đi rồi, nhưng duy nhất không hiểu vì sao tại nơi ông tự vẫn, vẫn nổi lên trôi dạt vào bờ pho bài vị khắc chữ mun đen trên nền bạch mộc đựng trong hộp sơn son thếp vàng, chữ rằng:

Uy linh minh chính viễn vong chí nhân Đinh Diêm La Nghè quan tân khoa Hoàng đế nhất ban phong trung đẳng tôn thân lưu truyền bản địa". Nghĩa là:

- *Quan Nghè tân khoa tên là Đinh Diêm La là người uy danh chính trực toả sáng đã được vua ban phong trung đẳng tôn thân linh thiêng nhìn xa trông rộng chỉ hướng đời sau lưu truyền một cõi.*

Pho bài vị này được dân vớt lên từ đáy, dân làng nghênh rước trên kiệu bát cống đưa về đình làng Trung Thứ (Thanh Liêm - Hà Nam) để được phụng thờ danh đức Ông Nghè cùng với Vũ Cố Đại Vương và Hạc Lai tiên sinh.

Hàng năm âm lịch, nhằm ngày 23 tháng Chạp là nhân dân cùng chính quyền sở tại đều cũng giỗ

ông Nghè trong tiết lạnh mưa bụi gió may cào. Lễ tưởng niệm được tổ chức linh đình. Cúng bái dâng hương, tế lễ ba châu như tế lễ Thành Hoàng. Trong tế xướng có đoạn:

"Bái đảo khấn cầu tam vị Đại vương

- Nhất Võ Cố() Đại vương Thượng đẳng tôn thân*

- Nhất Hạc Lôi() Tiên sinh Thượng đẳng tôn thân*

- Nhất Đinh Diêm La() Nghè công Trung đẳng tôn thân"*

(*) Trong tế xướng, xưa nay vẫn kiêng húy nên đọc lái tên thật để linh ứng hơn. Vũ Cố đọc là Võ Cố, Hạc Lai đọc là Hạc Lôi, Đinh Diêm Lai đọc là Đinh Diêm La, tên là Lai trùng tên với Hạc Lai tiên sinh nên đọc chệch là La.

HUYỀN THOẠI VỀ ĐÌNH CÔNG TRÁNG

NỖ ĐAU LÀNG ĐỪNG

Ngày xưa làng Đùng sát làng Đặng^(*) bởi cái lạch nước nhỏ. Làng nhìn ra cánh đồng bao la tận chỗ mặt trời mọc. Bên kia sông Đáy sừng sững màu xanh lam của đại ngàn đá vôi trùng điệp.

Không biết từ bao giờ ở mé sông, con chim phượng hoàng xà xuống nghiêng đầu uống nước, cổ vươn ra, đôi mắt tròn xoe lấp lánh sáng hai phía làng Đùng. Nó vẫn đứng nguyên để thành đôi Cổ Phượng bây giờ.

Ngày ấy có hai anh em họ Nguyễn tên Phù và Phú, võ cao cường sức khoẻ không ai bì kịp. Một hôm hai anh đi cày, lên cổng làng Đặng nghỉ trưa, thấy lính tráng ì ạch hè nhau lôi khẩu “thần công” đại bác, Phù bèn nói:

(*). Làng Đặng bây giờ là hai thôn Trung Thứ, Trung Thành xã Thanh Thủy, Thanh Liêm, Hà Nam.

- Có thể mà không khiêng nổi à ?

Cho là nói khoác, tay lính già bực dọc.

- Có giỏi thì bê đi, cho không đấy.

Thấy vậy Phú đáp lời:

- Lấy cái cửa nợ ấy làm cóc gì. Tớ chỉ vác thứ vòng ra bờ sông rồi quay về cho các tướng biết thôi.

Ướm thử rút rề... phốc một cái lên vai chạy thẳng. Phù chờ bọn kia ngơ ngác vội vợ lấy cái dó đại chứa đầy thuốc súng cùng chạy đi. Lính khoái, reo âm ỉ.

Súng đạn nhanh như chớp được lão thuyền chài cho sang sông và hai người đưa lên đôi Cổ Phượng.

Rồi thì biết là bị cướp, lính ùn ùn bơi sông rượt đuổi. Trên cao, súng được châm ngòi hoả. Lính nổi chìm ngoi ngóp rồi mất tăm không biết bao nhiêu mà kể. Mạng nào lên được bờ đều bị những tảng đá lăn ngang chẹt nát...

Tổng bang cay cú lắm. Bắt lý trưởng làng Đùng phải nộp mạng hai tên giặc cỏ cùng súng đạn, nếu

không làng này sẽ bị xoá sổ. Nhưng quan dân thà chết chứ nhất định không chịu làm theo ý ấy.

Bấy giờ là cuối năm, hanh khô nứt nẻ, mái tranh, rơm rạ khô ròn, chỉ cần đóm lửa vô tình là cháy lên ngàn ngụt. Nhằm 30 Tết, cấm làng. Giặc vây hãm, con kiến cũng không thể lọt qua. Đêm xông vào từng nhà đâm chém giết sạch mọi sinh linh rồi phóng lửa đốt làng. Lửa cuộn dâng thành núi lửa, đỏ rực đại ngàn, sôi sục lòng sông, bỏng rát vùng làng Đặng, làng Cần, bỏng rát xa xa hơn nữa. Duy một người thoát chết là bà Bình Hựu lên Đặng với con gái đang đau đẻ nên Tết cũng không về nhà.

Lạ kỳ thay đêm ấy đầu con chim phượng cũng tự nhiên gãy rời sập đổ thành hòn núi nhỏ tròn vo ngay bên Cổ Phượng.

Ông Phù, ông Phú sau khi chặn hết giặc đuổi theo đã vào xứ Dục, chọn nơi Thung Giếng - đời sau gọi là Thung Ông Phù, Ông Phú. Cát dấu khí tà rồi hai ông ra tận Kẽm Thong (Thanh Tâm - Thanh Liêm) tìm chủ tướng.

Khi nghe rõ đầu đuôi câu chuyện, quan Lãnh binh nông hậu tiếp nhận hai tân nghĩa quân dũng cảm đã lập công to để được đi theo đội ngũ diệt thù của muôn dân trăm họ.

Tướng sĩ đang vui vầy đón Tết trong đêm giao thừa thì phía tây - bắc quang trời rực đỏ, tàn đen theo gió heo may cuốn vào căn cứ địa mịt mù. Ngay lúc ấy có cấp báo về làng Đùng bị giết, bị huỷ diệt... Hai ông Phù Phú, lãnh binh và nghĩa sĩ biết làng Đùng bốc cháy. Buồn thương uất ức, nước mắt hai ông và quan sĩ tràn ra lãnh láng một vùng đầm sen chạy dài dưới triền núi Kẽm Thong.

Lãnh binh đứng lên cao nhìn về nơi ấy, ruột gan đứt từng khúc. Nén giận, giọng đánh trầm âm vang bờ cõi:

- Nước mắt ta đâu có ngập trời xanh cũng không rửa hết thù này. Hỡi những người anh em đã một dạ theo ta, chi bằng hãy vì muôn vạn xóm làng mà lau khô suối lệ cùng ta cầm khí giới khổ luyện đội ngày rửa hận. Anh em có thể cùng ta chăng ?

Mọi người bưng bình, ngẩng lên, giơ cao những cánh tay trái trắng vây quanh chủ tướng - Xin thế !

Thế là giải căn cứ địch từ Trà Châu, Đại Vương, Phố Cà đến làng Lường, làng Đặng đều bị quân ta quét sạch.

Lãnh về làng Đùng không còn hình bóng. Sau khi huỷ diệt, chúng bắt dân hai làng lân cận lôi xác quăng đầy hồ sâu phía bờ sông giáp làng Cấn, rồi lại bắt đào xúc đất làng Đùng lấp lên hồ xác chết, san phẳng. Đất đai vườn tược xưa thành ruộng, thành ao lỗ mỗ sót lại dăm ba gò đồng, sau này là bãi tha ma Mả Dục.

Trước cảnh tàn hoang im ắng đến rợn người, Lãnh Chàng cùng hai ông Phù Phú sản quân lợi ra giữa làng xưa, đập mô đất tượng trưng nắm mồ chôn chung, thắp 1.000 nén nhang cho 1.000 vong hồn oan khuất rồi khấn vái nước mắt trào tuôn. Lại xoay hướng đôi Cổ Phụng mà vái lạy thần linh. Các vong hồn và thần linh phù hộ tướng sĩ ba quân muôn đời rửa hận.

Xong đó về cho xây thành Đặng cao hai ngũ rưỡi, ngoài thành khoét hào sâu rộng, bờ hào trồng tre gai dây đặc xen cài luỹ què. Riêng cổng cao 10 ngũ có bệ dầy 3 ngũ, xây toàn bằng ngói mũi nung già. Sau này ai cũng gọi là cổng Ngói. Ruột cổng đổ dầy bùn nhuyển phù sa sông Đáy. Cánh cổng hai lớp gỗ lim, ở giữa bên mùng rơm lèn kín, đạn nào cũng không xuyên thủng.

Điểm đỉnh cổng là chốt tiền tiêu quan sát rất xa, đặt khẩu "thần công" cướp được, những người cầm quân biết địch nhiều ít, tiến thoái ra sao mà ra lệnh cho nghĩa quân xả đạn cùng mũi tên cung nỏ. Bọn giặc liều chết xông lên thì nằm chết luôn tại đó.

Cổng Ngói Thành Đặng là nỗi đau làng Đùng góp vào sự nghiệp Đinh Công Tráng, có Thành để có yên dân, có Thành để bảo toàn lực lượng và để được nhân lên bội phần. Từ đây dưới ngọn cờ dấy binh của người anh hùng, có những người anh em như ông Phù, ông Phú tả xung hữu đột cùng nghĩa quân dùng địa bàn chiến lược núi sông để kháng chiến. Ở đây còn có Thung Ái, Đồi Mây, Nương

Xoan, Ao Hồ, Vọng Cấm, sâu hơn nữa là Xứ Dục, Suối Tép, Thung Giếng... làm nơi tập tành thạc lược...

Cổng Ngói Thành Đặng, Làng Đưng xưa đã hun đúc trí quật cường luyện rèn tinh thông võ nghệ do dư sức toàn tài cùng chủ tướng Lãnh Chàng làm mưu sự lớn của lòng dân.

ĐÔI NÉT VỀ CHU VĂN LUẬN

Để tìm hiểu về nhà tư sản Chu Văn Luận, tôi đến xin được gặp cụ Hoàng Văn Mâu quen gọi là Ba Mâu, ở thôn Trung Thứ, xã Thanh Thủy, Thanh Liêm, Hà Nam.

Cụ Ba Mâu sinh năm 1918, năm nay vẫn tỉnh táo, đi lại, đọc viết số và các Văn tự chữ Hán bình thường. Cụ đã từng giữ chức Đội trưởng sản xuất, Phó chủ nhiệm HTX Nông nghiệp tại địa phương. Cụ Ba cũng đã từng làm lực điền, làm phu cho gia đình Chu Văn Luận, cụ vui vẻ cho hay:

- Người ta vẫn nói ông ấy cộng tác với hai nhà Tư sản Pháp là La Vi và Vi La để làm giàu là không đúng. Ông không hề cộng tác với người Pháp nào bao giờ. Tự ông nghĩ ra và tìm cách thực hiện ý nguyện.

Và quả nhiên ông đã trở thành nhà tư sản nổi danh trên thương trường trong nước và nước ngoài.

hồi ấy... Chu Văn Luận quê gần Cầu Giẽ thuộc huyện Phú Xuyên - tỉnh Hà Đông nay là Hà Nội. Ông sinh vào khoảng năm 1890. Nhà có ba chị em. Trưởng nữ là Chu Thị Bình, thứ nữ là Chu Thị Luân, út nam là Chu Văn Luận. Cụ Ba Máu kể:

Không nhớ tên các con bà Bình vì khi ấy tôi đi ở cho riêng nhà bà Luân. Bà Luân lấy ông Cửu An có người con trai tên là Cửu Cửu, Cửu Cửu có gia thất riêng nên tôi sang ở với vợ chồng ông. Cửu Cửu là cháu gọi ông Luận là cậu ruột, được mẹ và cậu mình giao có đến những gần 100 mẫu ruộng tư điền. Trong nhà lúc nào cũng nuôi hàng chục lợn đàn và bốn con ở chuyên chăn dắt đưa đón trâu và phục vụ tạp dịch. Lợn đàn sáng vác cày bữa ra ruộng, con ở cưỡi trâu theo sau, giao trâu xong về làm lụng việc nhà, trưa đến đón trâu để chiều cho ra đồng gặm cỏ. Còn lợn đàn buổi sáng cày bữa, chiều cắt cỏ mỗi người một gánh để trâu ăn đêm. Cứ thế việc ai nấy làm. Cửu Cửu không bao giờ hỏi han nhắc nhở vì thấy việc vẫn đều thông thoáng.

Lợn đàn không phải làm việc lật vạt, được tự do nghỉ ngơi sau giờ làm, được đối xử chan hoà bình

đẳng như người trong nhà. Ngày 3 bữa cơm no, hết tháng nhận tiền công nhật, mỗi ngày một hào, tương đương với một yến thóc khô.

Cuộc sống an lành việc làm chủ động, tuy nhiên muốn được làm công cho chủ lâu dài bằng sự tin cậy thì phải trung thực tận tỵ. Hồi ấy chưa ai biết rằng, nhiều lần trước khi đi ngủ rũ chăn chiếu giường mình ra thì nhặt được tiền. Tất nhiên chúng tôi đều nộp lại cho chủ, chủ cho xin, cảm ơn cùng vui vẻ cả... Sau này mới nhận ra đó là cách thử lòng người do cậu Luận vẽ ra cho Cửu Cửu.

Đầu năm 1943, cụ Ba Máu khi ấy đã 17 tuổi, tuy làm phu nhưng có chữ nên biết được việc lớn sẽ diễn biến nên nếp làm ăn từ gia đình ba chị em ông Luận. Đó là việc thay đổi từ sản xuất canh nông chuyển sang sản xuất kinh doanh công thương nghiệp. Với vốn tự có cùng với tư gia điền sản dồi dào do cha mẹ để lại, cộng với sức hiểu biết sâu rộng qua các mối bang giao, Chu Văn Luận nhất định đi tìm địa hạt mới tại vùng Kiện Khê, Thanh Thủy là quê ông Ba Máu bên bờ sông Đáy Hà Nam.

Tại đây đẹp thế núi sông, giao thông thuận lợi. Chu Văn Luận nhờ một người bạn từ Huế ra cùng thị sát rồi bàn soạn phương án xây dựng và sản xuất công nghiệp. Bấy giờ ở vùng này đồn điền xưởng thợ Vũ Xá của nhà Tư sản người Pháp tên là Giắc Guy ôm (quen gọi là Tây Giắc) đang bỏ không vì thua lỗ nên ông đã mua lại các cơ sở cũ để chuyển đổi thành những dây chuyền sản xuất công nghiệp mới. Đó là nhà máy xẻ đá Náng Gai, nhà máy giấy ở Ao Hồ, nhà máy sứ La Mát, lò mật mía ở Vô Giá, các lò vôi ở Trung Thứ, Hà Xá, Khắc Cần... Cụ Ba Mâu kể:

- Lò nung gốm sứ (quen gọi là Lò Bát) được đốt nung bằng những gỗ súc chắc nịch, vôi đốt nung bằng những bó cây le bồi mua từ các ngọn núi cao vách đá tai mèo. Loại nhiên liệu này có nhiệt lượng khá ổn định, các cụ bảo là “nặng lửa”. Vôi thì chín thấu, đồ sứ chín mọng đều không bị biến dạng cong vênh.

Đồ sứ là bát đĩa, ấm chén, lư nhang, lộc bình, voi ngựa, ghế đôn, chậu cảnh... Rồi là các loại tượng sứ cổ kim. Nhất là tượng Thống chế Pháp Pêtanh.

Hàng gốm sứ mỹ nghệ Chu Văn Luận có nước men cảm thạch nhẵn bóng, áng riêng nghệ thuật hài hoà trường tồn sinh động. Hàng này đã bán tại Tây Âu, nhất là thị trường Quốc Pháp.

Năm 1935 Chu Văn Luận mở thêm nhà máy gạch ngói ở Trung Thứ bởi ông thấy nguồn nguyên liệu đất thổ canh trên cánh đồng chiêm dài rộng mênh mông, mương máng thì chưa có gì đáng kể. Hơn nữa nhu cầu xây dựng ở Hà Nội và các đô thị đang đòi hỏi nhiều số lượng với chất lượng cao. Thế là mở thêm dây chuyền khai thác đất đồng để nhào đập tạo nên gạch ngói. Đầu tiên là lập dự án bản vẽ hệ thống mương đổi trái dài ngăn vuông từng xứ ruộng. Ruộng nhà ai mương đổi đi qua là ông xin mua, lấy đất đắp đổi còn là chở thuyền sang sông làm gạch ngói. Kế sách của ông được quan Tri huyện cho phép. Đào đất từ bờ sông Đáy, đào đến đâu thành mương ngòi đến đấy. Thuyền tiện theo đường thủy chở đất qua sông Đáy. Cứ thế, đường đổi mương ngòi cứ kéo dài xa, đan nhau chằng chịt để thành tên những xứ đồng làng mới lạ:

Đây là Đồng Cao, Đồng Bạc, Đồng Bơ, Mã Cá, Quạt Vả, Dọc Khoai, Công Thổ, Khai Sơn, Mã Dục, Cánh Cung, Cống Đá...

Đây là Ruộng Chùa, Ruộng Phe, Ruộng Niết...
kia là Đường Vọc, Đường Cây Đa, Đường Cẩn, Cây Gạo...

Và còn đây Đồi Ngang, Vườn Đùn, Khuồng Khoeo...

...Bởi vậy câu hát người xưa truyền đến bây giờ:

Đất xa đồng đi làm gạch ngói

Ở lại mình nương đồi ruộng xanh

Lượn bơi mắt cá long lanh

Đêm trăng thuyền thúng đan màn sóng lãn.

- Đất đồng mình mà gạch ngói tốt nổi danh đến thế cơ à?... Cụ Ba Mâu giảng giải cho tôi nghe:

- Gạch ngói tốt là do đất tốt, có thể là như vậy. Nhưng do đất tốt thôi là chưa đủ, còn phải trải qua sự say mê cần mẫn do hiểu biết của người ta mà nên nữa chứ.

Từ những tảng đất tươi mới đào, phải chắt kho hàng năm mới khô ải mục ruỗng hết tạp chất, lúc đó mới đào cắt ra vụn nhỏ, cho trâu kéo bừa dầm trong nước sạch đến khi đất bột nhỏ mịn mềm dẻo thì cho vào máy nhai đùn ra ca-lét nuốt nà dẻo dai không dính. Ca-lét cắt đều theo lượng của viên gạch ngói rồi cho khuôn dập mạnh. Dập xong cắt bỏ lơ-via đưa lên giàn phơi trong nhà đến khi khô trắng mới vào lò kèm theo than đống bánh đốt lên.

Hệ thống lò liên hoàn là hai dãy lò từng khoang liên tiếp, mỗi khoang đều có cửa zip sắt phía ngoài, bên trong có những lỗ thông khói vào đường thoát khói trung tâm theo ống khói toả ra ở độ cao đỉnh núi. Ống khói càng xây cao dài thì hút khói càng khoẻ, lửa càng đượm đều và gạch ngói càng nhanh chín gõ kêu như chuông chùa. Ngăn chia từng ô như thế nên ngày nào cũng ra gạch chín vào gạch khô.

Khi ra lò phải có thợ nghiệm thu tuyển chọn phân loại rồi xếp kiêu xuất xưởng.

Gạch ngói Chu Văn Luận xuất xưởng 10 vạn viên/ngày vẫn không đủ cho thị trường tiêu dùng

khắp nước, nhất là thị trường Hà Nội và các đô thị lớn: “Gạch ngói Chu Văn Luận” đã thành thương hiệu uy tín chất lượng bền đẹp. Chính ngôi nhà sàn của Bác Hồ cũng lợp bằng ngói Chu Văn Luận. Ngày nay ai còn giữ được viên nào thì đó là kỷ vật mà không bao giờ có thể có nữa.

Nhịp sống công nghiệp nơi ấy, ngày ấy như đang bắt đầu nhen lên. Hàng trăm nông phu từ các làng Thanh Liêm, Hà Nam được tuyển chọn vào các nhà máy Chu Văn Luận, trở thành lực lượng của gia cấp công nhân nơi miền quê hẻo lánh.

Về cách quản lý điều hành hoạt động công nghiệp của Chu Văn Luận cũng giản đơn như ngày quản lý canh nông, từng công đoạn đã phân bố ấn định theo khối lượng việc làm. Cứ tự nguyện thực hiện nhịp nhàng theo dây chuyền công nghệ đã định hình trong tâm trí. Việc ai nấy làm, nếu cứ giữ đúng cam kết thì tiền lương từng người đều được trả đủ cả tháng, mỗi ngày là một hào (tương đương một yến thóc).

Khi ấy đội ngũ công nhân chúng tôi thường được Việt Minh tuyên truyền, giác ngộ. Phải đánh đuổi ngoại xâm để dân mình độc lập... Ông Luận chưa hay biết gì hay là chưa nói năng gì? Tôi thấy ông vẫn điềm nhiên cho dây chuyền sản xuất công nghiệp nhịp nhàng và vẫn trả lương đúng kỳ như thế.

Ông có khu nhà riêng ở La Mát cách khu gạch ngói chừng 3 cây số, một tháng đôi ba lần mới xuống thăm và nắm bắt tình hình. Lần nào xuống cũng không thấy có tình hình nào biến động. Ông đến thợ phục mừng vui lắm. Khi ai gia cảnh gặp phải khó khăn xin ứng tiền công ông đều giải quyết vì ông tin họ.

Tại nhà máy gạch ngói này ông chỉ cần giao cho hai người theo dõi và điều hành mọi việc đó là Ông Nguyễn Văn Cán làm thư ký (Ký Cán), ông Trần Văn Cầu - làm Đốc công - Cai (Cai Cầu). Thế mà đâu vẫn vào đấy. Không ai chống đối, không bao giờ có tai nạn lao động xảy ra. Ông không quát mắng dọa việc với ai bao giờ vì bao giờ cũng đúng thoả thuận, sòng phẳng...

Cụ Ba Mâu kể tiếp:

- Đối với ông, tôi thấy chủ và thợ hoà đồng, tâm huyết. Giản dị thôi, chỉ mặc quần áo ta màu trắng, mũ cát trắng, đi dép xuyềnh xoàng. Mùa lạnh vẫn chỉ mặc thêm áo bông trắng, đi giày Gia Định trắng. Trông ông cao to, đẹp trắng diêm đạm, phúc hậu. Ông chỉ mặc đồ Tây khi phải tiếp Chánh xứ Pháp hoặc phải tiếp Tây Đoàn thuế vụ hoặc tiếp khách nước ngoài.

Ông là người độc lập tự chủ kinh doanh, không liên kết với Tây, chỉ nộp thuế cho Tây, ngoại giao hàng hoá với Tây, họ nể ông nên ông không bị chèn ép bao giờ.

Nhà chính và gia đình ở La Mát, dưới nhà máy gạch ngói, ông cũng để một phòng nghỉ. Trong phòng có cái quạt trần kéo tay, bộ bàn ghế gỗ sung, chiếc giường có nệm trên dát tre. Đắt tiền hơn có lẽ là cái máy hát quay đĩa nhựa được chế từ ổ cánh kiến. Sau khi lên dây cót kéo kẹt, căng rồi thì mở máy, bầu loa có cái kim sắt, đĩa quay dưới mũi kim

mà hát được... Thế rồi đến năm 1949 Chu Văn Luận đột ngột ra đi. Đột ngột ra đi lạng lẽ, để lại toàn bộ sản nghiệp, không bàn giao, không điều kiện, không viết giấy căn dặn nhường quyền cho ai... Từ bấy im lìm, phôi pha...

Chỉ thấy còn một Chu Văn Luận cùng những thành phẩm Chu Văn Luận vang bóng thời ấy, vang bóng những thời sau xa.

... Chu Văn Luận đi đâu và ra sao ? Đến nay người miền quê này đều chưa hiểu. Cứ như theo lời cụ Ba Mâu kể là ngày 12 tháng 7 năm 1948 Pháp nhảy dù chiếm cao điểm núi Bô, họ càn quét vùng núi đất Thanh Liêm và ngày 11 tháng 12 năm ấy họ dùng ca nô tàu chiến kết hợp với quân nhảy dù từ Đoàn Vĩ theo sông Đáy mở đợt càn quét lớn vào phía Tây Thanh Liêm...

Có lẽ bởi nguy cơ ấy mà ông Luận phải ra đi. Nghe nói đã đem tiền vàng gom góp bấy nay để ủng hộ và đi theo kháng chiến. Năm 1954 hoà bình lập lại, cụ Ba có gặp 2 người con trai ông Luận là Chu

Văn Lý - Bác sĩ Quân y, Chu Văn Lệ - Cán bộ Trung đoàn Thủ đô tại Hà Nội. Biết tin cụ Luận vẫn khoẻ mạnh, đẹp lão, tráng kiện... Vẫn giản dị ung dung.

Từ bấy đến nay cụ Luận và gia quyến như thế nào... Rất tiếc là chưa được biết. Rất cần biết khi cụ Ba Mâu đương vượt qua tuổi 93.

NGÀY XUÂN NÓI VỀ ĐÀO, MAI VÀ QUẤT

Ngày gần cuối tháng Chạp, mưa dầm gió Bắc. Mưa rét báo rằng mùa Xuân đang đến sẽ bùng nở những chồi hoa.

Ngồi trong nhà ông Nguyễn Cảnh Hưng - Chủ tịch Hội sinh vật cảnh Hà Nam nhìn ra sân vườn ngòm ngợp cây cảnh, cây thế, cây hoa... quện trong tiếng chim ca, sáo nói chào mời, tôi lắng nghe ông nói về hoa và hồn tôi như cuốn hút vào cây Đào, cây Mai, cây Quất.

Ông Hưng nói rằng: “Đào tượng trưng cho mùa Xuân và những ý nguyện tốt lành của con người. Vì bao giờ cũng vậy, đúng vào dịp Tết, hoa Đào bùng nở rực sáng cả thân cành. Đào phong phú về chủng loại đều có riêng sắc thái. Chơi Đào là thú chơi hoài niệm, như chơi một tác phẩm thơ Xuân trong lòng.

Đào Bích, chồi búp nhú lên màu dày nên chồi hoa dày đặc, biểu hiện vẻ đẹp lộng lẫy. Tết về, hoa bằng thắm, nụ căng tròn được bao dung bởi đài hoa màu huyết dụ mịn như nhung, tương chừng e ấp, ngấp ngừng, khư khư ôm lấy bầu nhũ tuyết trinh, nhưng khi nở, cánh hoa mỏng tang, đỏ rói, tương phản đậm đà với màu vàng của nhụy, gây cảm giác ấm cúng, mặn mà, se duyên.

Còn Đào Phai thì hoa thưa thoáng, sắc sáng cộng với màu phớt trắng mượt mà, đan xen với màu vàng của nhụy nên vẻ đẹp nhẹ nhàng, tươi tắn. Hoa gợi lòng người rạo rức, xao xuyến trước vẻ đẹp thuần khiết, hoang sơ huyền bí.

Rồi Đào Bạch khi nở, cánh hoa trắng toát, khoe nhụy vàng tinh khiết, lại vừa đượm vẻ đài các, cao sang.

Khác với Đào Bạch là Đào ăn quả. Hoa của giống đào này cánh đơn, màu phớt hồng, thanh mảnh, đẹp nhẹ nhàng, khiêm nhường. Cành Đào ăn quả thường được cắm vào bình nước, hoa nở suốt

mùa Xuân, sau đó còn cho những chùm quả ngon, thơm chua ươm vàng.

Ông Hưng còn cho tôi hiểu biết thêm về một loại đào nữa. Đó là Thất thốn. Loại đào này khi nở hoa, cành cây chỉ dài ra chừng bảy tấc thì chùn lại và ngoan mục đổi hướng, rồi đâm chồi để lại những nốt sần kỳ thú. Hoa đào Thất thốn to, mọc khắp từ gốc, thân đến ngọn. Thất thốn có hai loại: Đơn và kép.

Giống đơn: Hoa cánh đơn, màu phấn hồng. Giống kép hoa cánh kép, màu sẫm đỏ sẫm. Do đặc điểm giống cây thấp, phân nhánh nhiều, thân cành sần sùi, nhiều u sọc, cho nên cây đào Thất thốn càng lâu năm dáng cây càng cằn cỗi, cổ thụ. Vì vậy nó thường được tạo dựng thành cây cảnh thế.

Hết Đào, ông Hưng chuyển sang Mai. Theo ông, hoa Mai được người phương đông xếp trong bộ “Tuế hàn tam hữu” - nghĩa là ba người của tuyết lạnh (gồm Tùng, Cúc, Mai). Ba loài cây (hoa) này được ghi nhận bởi đức tính vượt trội. Chúng chẳng những khoẻ, đẹp về kiểu dáng mà lại mang hàm ý gan góc đáng được sùng phùng, ngưỡng kính. Cây

Mai có sức sống mãnh liệt. Trời mùa đông, khi các loài hoa khác không chịu nổi giá lạnh đều rơi rụng thì Mai vẫn an nhiên đứng đấy, cứ đẹp ra. Dù sương tuyết vây phủ, Mai vẫn giữ nguyên cốt cách. Mai bao giờ cũng ra hoa trước tất cả các loài hoa. Hoa Mai thơm nhất là về đêm và lúc ban mai bừng sáng. Hương cao sang, có mùi quế, mùi trầm - một thứ hương được chắt lọc từ hương đầu muôn dị thảo.

Đào, Mai đã đẹp, đã hay, nhưng theo ông Cảnh Hưng, cây Quất cũng chẳng thua kém gì. Ngày Tết có cây quất trong nhà đã là tập quán từ lâu đời của dân ta. Cây Quất nào cũng đơm đầy quả sẫm vàng. Giàn quả nhẵn nhụi, đều nhau, khiến Quất trở thành một toà hoàng ngọc sáng rực trong nhà ngày Xuân. Dàn quả này là biểu tượng cho một gia cảnh sung túc, thịnh vượng. Cây Quất đẹp là cây vừa có nụ vừa có hoa, có quả xanh, quả chín - như tiềm ẩn ước nguyện kế tiếp, truyền đời về phúc đức. Lá Quất to, xoè căng thành mặt phẳng, xanh thẫm, mượt mà tượng trưng cho sự phát đạt của mỗi nhà trong năm mới. Cây Quất hay là cây chỉ có một gốc, là biểu

tượng hướng về nguồn vọng. Giữa mùa đông tháng giá, Quất đơm hoa kết trái, rồi chín rực đúng vào dịp Tết Nguyên đán mới thần kỳ làm sao - đó là vẻ đẹp lộng lẫy của mùa Xuân dân tộc...

Nghe ông Chủ tịch Hội sinh vật cảnh tỉnh nhà say sưa nói về Đào, Mai, Quất tôi thấy lòng mình lâng lâng như mùa Xuân dậy thì mãi mãi.